

BÁO CÁO

Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khoá IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh

Căn cứ Công văn số 924/BDT-HCTH, ngày 13/9/2022 của Ban Dân tộc về việc báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.

Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà báo cáo kết quả thực hiện như sau:

Phần I

KẾT QUẢ 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 23-NQ/TW

I. KẾT QUẢ 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 23-NQ/TW

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết

a) Việc tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết:

Sau khi Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 23*); Chương trình số 50-CTr/TU, ngày 20/5/2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, về thực hiện Nghị quyết 23 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng được ban hành, Ban Thường vụ Huyện ủy đã xây dựng Kế hoạch số 31-KH/HU, ngày 30/6/2003 để tổ chức hội nghị quán triệt các nội dung Nghị quyết số 23 đến các đồng chí Huyện ủy viên; Bí thư, Phó Bí thư các TCCSĐ; Trưởng, Phó các cơ quan đơn vị trên địa bàn huyện; cán bộ công chức, viên chức, người lao động; Chủ tịch HĐND, UBND, UBMTTQ các xã, thị trấn. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện, các cấp ủy trực thuộc Huyện ủy, nhất là Đảng ủy các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết 23 đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

b) Việc thể chế hóa, cụ thể hóa Nghị quyết:

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 23 của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Kế hoạch số 31-KH/HU, ngày 30/6/2003. Trên cơ sở kế hoạch của Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; đồng thời chỉ đạo các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện ở cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

c) Việc ban hành cơ chế, chính sách địa phương:

Là đơn vị cấp huyện, huyện Đăk Hà không ban hành cơ chế, chính sách riêng để triển khai thực hiện Nghị quyết số 23 của Ban Chấp hành Trung ương, mà thực hiện các cơ chế, chính sách của HĐND, UBND tỉnh ban hành để triển khai thực hiện Nghị quyết số 23 của Ban Chấp hành Trung ương.

d) Công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết:

Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện Nghị quyết số 23 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng được huyện chỉ đạo triển khai thực hiện lồng ghép với các cuộc giám sát của HĐND theo định kỳ. Qua giám sát, đã kịp thời động viên các địa phương tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần xây dựng địa phương ngày càng giàu mạnh, nhân dân được ấm no, hạnh phúc. Định kỳ, theo yêu cầu của Trung ương, tỉnh, huyện tiến hành tổ chức sơ, tổng kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 23 của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX đảm bảo theo quy định.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết trên một số lĩnh vực

a) Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam:

Trong những năm qua, huyện Đăk Hà đã tập trung chăm lo, đầu tư phát triển toàn diện vùng dân tộc thiểu số và miền núi và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Trong đó, cơ sở hạ tầng được xây dựng ngày càng đồng bộ hơn, kinh tế từng bước phát triển, quốc phòng - an ninh được giữ vững, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh, đời sống của Nhân dân được cải thiện rõ rệt; khối đại đoàn kết các dân tộc được củng cố xây dựng vững chắc.

b) Phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, nâng cao trình độ dân trí, xóa đói giảm nghèo

- Về kinh tế: Kinh tế của huyện trong gần 28 năm qua có bước phát triển vượt bậc, cơ cấu giá trị sản xuất chuyển dịch theo hướng tích cực; tổng thu ngân sách tăng từ 51 tỷ đồng năm 2003 lên 648.420,45 triệu đồng năm 2021; thu nhập bình quân đầu người tăng từ 5,3 triệu đồng/người/năm năm 2003 lên 46,15 triệu đồng/người/năm năm 2021 (*tăng 40,85 triệu đồng*). Đạt được kết quả nêu trên là do cấp ủy, chính quyền địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi kém hiệu quả sang cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, mở rộng diện tích gieo trồng; tập trung phát triển nông nghiệp đi vào chiều sâu theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, trong đó lựa chọn một số sản phẩm chủ lực của địa phương để tập trung đầu tư (*cây cà phê*), hình thành sản phẩm đặc trưng của huyện, gắn với việc thực hiện Đề án Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (*OCOP*). Kết quả, từ năm 2003 đến nay, tổng diện tích gieo trồng của huyện tăng từ 19.811 ha năm 2003 lên 30.532,06 ha (*tăng 10.721,06 ha*); tổng sản lượng lương thực tăng từ 15.583 tấn năm 2003 lên 20.849,49 tấn năm 2021; tổng đàn gia súc năm 2021 là 29.292 con, đàn gia cầm 313.425 con; công tác quản lý, bảo vệ rừng, trồng rừng, nghiệm thu, thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng đối với các tập thể, cá nhân nhận khoán tiếp tục thực hiện có hiệu quả, mang lại nguồn thu

cho người tham gia nhận khoán bảo vệ rừng... Công nghiệp – Xây dựng tiếp tục được huyện quan tâm đầu tư, trong đó chú trọng đầu tư hạ tầng cơ sở, đường giao thông nhằm thu các doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn huyện, đến nay đã thành lập được 03 cụm công nghiệp¹, thu hút nhiều doanh nghiệp và hộ kinh doanh tham gia sản xuất kinh doanh hiệu quả; Thương mại – Dịch vụ được khuyến khích, tạo mọi điều kiện để phát triển, đến nay, trên địa bàn huyện có 2.450 cơ sở hoạt động thương mại, thu hút khoảng 3.400 lao động làm việc thường xuyên.

- Công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân tiếp tục được quan tâm và triển khai thực hiện hiệu quả. Trong những năm qua, huyện tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia như: Chương trình 135, 168, 154, định canh – định cư, hỗ trợ vật liệu làm nhà cho đồng bào dân tộc thiểu số; Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; Chương trình giảm nghèo bền vững; chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số... Từ các nguồn vốn của các chương trình trên, huyện đã đầu tư có trọng điểm cơ sở hạ tầng, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng kinh tế khó khăn, nên bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận nhân dân thay đổi đáng kể. Công tác an sinh xã hội, hỗ trợ các gia đình chính sách được quan tâm, đảm bảo cho các đối tượng chính sách được hưởng trợ cấp kịp thời và đúng chế độ; các hoạt động huy động đóng góp Quỹ Vì người nghèo, Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Quỹ Khuyến học, Quỹ Nạn nhân chất độc da cam/dioxin... được các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, các cá nhân và nhân dân đồng tình ủng hộ, qua đó đã kịp thời hỗ trợ xây nhà tình nghĩa, nhà Đại đoàn kết cho hộ dân nghèo, người có công với cách mạng; hỗ trợ các em học sinh nghèo được đến trường...

- Về nâng cao trình độ dân trí cho người dân: Để nâng cao trình độ dân trí cho người dân, huyện và ngành Giáo dục không ngừng đầu tư xây dựng, sửa chữa trường lớp, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học. Bên cạnh đó, huyện cũng đã chỉ đạo mở các lớp bồi túc văn hóa tại các xã, thị trấn cho cán bộ, thanh niên chưa được phổ cập, cho người dân không biết chữ để xóa mù chữ, qua đó góp phần nâng cao trình độ dân trí cho người dân². Tính đến cuối năm 2021, 100% xã, thị trấn trên địa bàn huyện đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở đúng độ tuổi; toàn huyện có 43 trường (*tăng 06 trường so với năm 2003*), trong đó có 22/43 trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 51,16%; các phòng học được sửa chữa và xây mới, cơ bản đảm bảo việc dạy và học, không còn phòng học bán kiên cố, phòng học tạm tranh tre. Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp đầu năm 2021-2022 đạt 90,85%. Chất lượng giáo dục vùng DTTS tiếp tục được cải thiện, có sự chuyển biến tích cực³.

¹ Cụm công nghiệp xã Đăk La, Cụm công nghiệp xã Đăk Mar, Cụm Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp, làng nghề thị trấn Đăk Hà.

² Tỷ lệ số người trong độ tuổi 15-35 tuổi biết chữ đạt 98,92. Tỷ lệ số người trong độ tuổi 15-60 tuổi biết chữ đạt 98,67%.

³ Kết quả giáo dục học kỳ I năm học 2021-2022 đối với HSDTTS: *Mầm non: (5 tuổi)*: Đạt yêu cầu: 1045/1193 đạt 87,6%. *Tiểu học*: Môn Tiếng Việt: HTT: 570/5709 đạt 9,98%; HT: 4490/5709 đạt 78,64%; CHT 649/5709 chiếm 11,36 % (*Chưa HT so với cùng kỳ năm học trước giảm 0,54%*). Môn Toán: HTT: 652/5709 đạt 11,42%; HT: 4415/5709 đạt 77,33%; CHT: 642/5709 chiếm 11,24% (*Chưa HT so với năm học trước giảm 0,91%*). Học sinh bỏ học 6/9685 em, chiếm 0,06%. Huy động 100% số học sinh trong độ tuổi ra lớp. *THCS*: Về học lực: Giỏi: 31/3.630, tỷ lệ: 0,85 %; Khá: 492/3.630, tỷ lệ: 13,55 %, trung bình: 2.406/3.630, tỷ lệ: 66,28%; Yếu: 696/3.630, tỷ lệ: 19,17%; Kém: 05/3.630, tỷ lệ: 0,14%. Về hạnh kiểm: Tốt: 2.096/3.630, tỷ lệ: 57,74%; Khá: 1.237/3.630, tỷ lệ: 34,08%; Trung bình: 287/3.630, tỷ lệ: 7,91%; Yếu: 10/3.630, tỷ lệ: 0,28%.

- Công tác xóa đói giảm nghèo: Trên cơ sở các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn, Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng các kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện⁴, đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc, nhiều mô hình⁵ giảm nghèo bền vững có hiệu quả được nhân rộng, góp phần làm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm vươn lên thoát nghèo bền vững; công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn cũng được triển khai thực hiện có hiệu quả⁶, qua đó tạo nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động. Bên cạnh đó, huyện cũng đã tiếp nhận và kịp thời cấp gạo hỗ trợ cứu đói của Chính phủ và gạo địa phương cho hộ nghèo, hộ có nguy cơ thiếu đói trên địa bàn huyện cho các xã, thị trấn trong dịp Tết Nguyên đán và giáp hạt qua các năm⁷. Thông qua triển khai các chương trình giảm nghèo, công tác đào tạo nghề và hỗ trợ gạo của Chính phủ, địa phương đã giúp cho hộ nghèo vượt qua khó khăn, vươn lên thoát nghèo. Kết quả, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 15,86% năm 2003 (*theo tiêu chuẩn cũ*) xuống còn 14,87% năm 2021 (*theo chuẩn nghèo mới*).

c) Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc

- Thực hiện Nghị quyết số 05/2015/NQ-HĐND, ngày 18/12/2015 của Hội đồng nhân dân huyện về thông nhất chủ trương tiếp tục thực hiện các Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện giai đoạn 2011-2015; Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND, ngày 15/12/2017 của HĐND huyện về việc phê duyệt kế hoạch bảo tồn, phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số huyện Đăk Hà, giai đoạn 2018 – 2021, Ủy ban nhân dân huyện ban hành các văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc theo giai đoạn và hàng năm⁸.

⁴ Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 21/11/2011 của UBND huyện về việc đẩy mạnh công tác giảm nghèo huyện Đăk Hà giai đoạn 2011-2015; Kế hoạch số 42/KH-UBND, ngày 08/3/2013 về việc sửa đổi một số nội dung tại Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 21/11/2011 của UBND huyện; Kế hoạch số 143/KH-UBND, ngày 24/11/2016 về việc giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch thực hiện chính sách giảm nghèo qua các năm.

⁵ 2 Năm 2016: 01 Dự án luân chuyển vốn hỗ trợ hộ nghèo chăm sóc cây cà phê, chăn nuôi heo nhằm giảm nghèo bền vững tại xã Đăk Hring với số tiền 250 triệu đồng để hỗ trợ cho 25 hộ nghèo phát triển sản xuất trong thời hạn 03 năm với số tiền 10.000 đồng/hộ để chăm sóc diện tích 10.3 ha cà phê, cao su; 04 hộ chăn nuôi heo. Năm 2019: 01 Dự án luân chuyển vốn hỗ trợ hộ nghèo chăm sóc cây cà phê, chăm sóc cây cao su nhằm giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã Đăk La với số tiền 173 triệu đồng nhằm hỗ trợ cho 17 hộ nghèo/88 khẩu/42 lao động để phát triển sản xuất với số tiền 10.000 đồng/hộ với tổng diện tích 12,1 ha cà phê trong thời hạn 03 năm với mức thu hồi vốn là 50% vốn hỗ trợ ban đầu (hộ tham gia dự án được hỗ trợ 50%) nhằm khuyến khích sự nỗ lực, cố gắng của người dân trong việc thoát nghèo. Năm 2020 : 01 dự án luân chuyển vốn hỗ trợ hộ nghèo chăm sóc cây cà phê, chăm sóc cây cao su nhằm giảm nghèo bền vững trên địa bàn thôn Kon Trang Long Loi, thị trấn Đăk Hà với số tiền 197 triệu đồng nhằm hỗ trợ cho 14 hộ nghèo/98 khẩu/58 lao động/11,40 ha cà phê và 05 hộ cận nghèo/34 khẩu/16 lao động/4,25ha cà phê để phát triển sản xuất với số tiền 10.000.000 đồng/hộ trong thời hạn 03 năm (mức thu hồi vốn: hộ nghèo 50%, hộ cận nghèo 70% vốn hỗ trợ ban đầu) nhằm khuyến khích sự nỗ lực, cố gắng của người dân trong việc thoát nghèo.

⁶ Từ năm 2005 đến nay đã đào tạo nghề cho 6.902 lao động nông thôn, trong đó: Giai đoạn 2005-2010 đã đào tạo nghề 1.520 lao động; giai đoạn 2011-2015 đã đào tạo nghề cho 3.056 lao động (Nghề nông nghiệp 2.522 lao động; nghề phi nông nghiệp 495 lao động); giai đoạn 2016-2020 đã đào tạo nghề 1.715 lao động (Nghề nông nghiệp 1.130 lao động; nghề phi nông nghiệp 294 lao động), Năm 2021 đào tạo 262 lao động (Nghề nông nghiệp 200 lao động; nghề phi nông nghiệp 62 lao động), năm 2022 đào tạo 349 lao động (Nghề nông nghiệp 213 lao động; nghề phi nông nghiệp 136 lao động).

⁷ Từ năm 2001-2005: cấp 324.517 kg gạo Chính phủ cho 7.984 hộ/40.624 khẩu, từ năm 2006-2010 cấp 44.730kg gạo Chính phủ cho 2.982 khẩu. Từ năm 2011-2020 cấp 1.017.885 kg gạo Chính phủ cho 14.508 hộ/64.916 khẩu.

⁸ Kế hoạch số 136/KH-UBND, ngày 07/12/2012 của UBND huyện về tổ chức “Ngày hội văn hóa, thể thao các dân tộc huyện Đăk Hà” năm 2013; Công văn số 276/UBND-VX, ngày 04/4/2013 của UBND huyện về việc trưng bày sản phẩm truyền thống tại Nhà Rông văn hóa; Kế hoạch số 103/KH-UBND, ngày 22/7/2013 về tổ chức “Liên hoan công chiêng thiếu niên” huyện Đăk Hà lần thứ I, năm 2013; Kế hoạch số 89/KH-UBND, ngày 26/6/2015 về tổ chức “Liên hoan công chiêng thiếu niên” huyện Đăk Hà lần thứ II, năm 2015 và tổ chức thi đấu các môn thể thao truyền thống; Kế hoạch số 101/KH-UBND, ngày 28/7/2015 về mở lớp truyền dạy công chiêng, múa xoang tại xã Đăk Pxi và xã Đăk Long; ban hành Quyết định số 970/QĐ-CT, ngày 23/7/2015 của UBND huyện về việc khen thưởng thành tích trong công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số huyện Đăk Hà, giai đoạn 2011-

- Chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ tích cực tham gia công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số như: Khôi phục nhà rông truyền thống, di sản văn hóa công chiêng, các lễ hội, bảo tồn có chọn lọc những phong tục tập quán tốt đẹp, hình thành nếp sống văn minh, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; chỉ đạo phòng Văn hóa – Thông tin, UBND các xã, thị trấn mở các lớp truyền dạy nghệ thuật công chiêng, xoang cho thế hệ trẻ tại các thôn dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện; chỉ đạo tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý, tổ chức và phục dựng lễ hội dân gian truyền thống của 3 nhóm dân tộc trên địa bàn huyện như: Lễ nước giọt, Lễ mừng năm mới, Lễ mừng nhà rông mới, Lễ tria lúa... Ghi chép các tư liệu về các nhạc cụ gắn bó với công chiêng như: đàn ting ning, đàn torung, hát dân ca, cheo; tiếp tục khuyến khích người dân phát triển nghề truyền thống của các dân tộc (*đan lát, dệt thổ cẩm, rèn, đẽo thuyền độc mộc...*).

- Chỉ đạo Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện mở lớp học tiếng Xơ Đăng cho đội ngũ cán bộ, công chức, giáo viên trên địa bàn huyện nhằm bảo tồn và phát triển ngôn ngữ của dân tộc thiểu số.

Kết quả, đến nay trên địa bàn huyện có 57 nhà rông/49 thôn dân tộc thiểu số; còn 02/51 thôn chưa có nhà rông, trong đó, 01 thôn chưa có nhà rông do bị cháy năm 2020

2015; Kế hoạch số 18/KH-UBND, ngày 17/2/2016 về mở lớp truyền dạy công chiêng, múa xoang trên địa bàn huyện năm 2016; Kế hoạch số 32/KH-UBND, ngày 07/3/2016 về tham gia Liên hoan nghệ thuật dân gian Tây Nguyên gắn với Tuần Văn hóa - Du lịch tỉnh Kon Tum lần thứ 3 năm 2016; Kế hoạch số 76/KH-UBND, ngày 25/5/2016 của UBND huyện về tổ chức Ngày hội văn hóa các dân tộc huyện Đăk Hà năm 2016; Kế hoạch số 20/KH-UBND, ngày 14/02/2017 về mở lớp truyền dạy công chiêng, múa xoang trên địa bàn huyện năm 2017; Hướng dẫn số 15/HD-UBND, ngày 21/3/2017 về xét tặng nghệ nhân ưu tú lần 2 trên địa bàn huyện năm 2017; Quyết định số 987/QĐ-UBND, ngày 03/5/2017 của UBND huyện về ban hành quy chế quản lý, hoạt động nhà rông văn hóa huyện; Công văn số 658/UBND-VX, ngày 15/5/2017 của UBND huyện về việc mở lớp truyền dạy công chiêng, múa xoang cho các em thanh thiếu niên tại các thôn dân tộc thiểu số. Kế hoạch số 42/KH-UBND, ngày 06/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc thiểu số huyện Đăk Hà năm 2018; Kế hoạch số 80/KH-UBND, ngày 17/04/2018 của UBND huyện về trao tặng công chiêng cho các thôn dân tộc thiểu số huyện Đăk Hà năm 2018; Công văn số 651/UBND-TH, ngày 15/5/2018 của UBND huyện về việc bảo tồn, phát huy các giá trị di tích lịch sử trên địa bàn huyện; Công văn số 1114/UBND-TH, ngày 10/8/2018 của UBND huyện về việc thay đổi địa điểm trao tặng công chiêng và mở lớp truyền dạy công chiêng năm 2018; KH số 153/KH-UBND, ngày 10/9/2018 về việc tổ chức Liên hoan công chiêng thanh thiếu niên huyện Đăk Hà năm 2018; Công văn 1423/UBND-TH, ngày 03/10/2018 v/v triệu tập nghệ nhân tham gia Festival văn hóa công chiêng Tây Nguyên tại tỉnh Gia Lai năm 2018; Công văn 1422/UBND-TH, ngày 03/10/2018 v/v mở lớp bồi dưỡng truyền dạy chinh chiêng cho các thôn dân tộc thiểu số năm 2018; Công văn số 1446/UBND-TH, ngày 8/10/2018 của UBND huyện về việc tham gia Liên hoan công chiêng thanh thiếu niên huyện Đăk Hà năm 2018; Công văn số 1576/UBND-TH, ngày 03/11/2018 của UBND huyện về quản lý, sử dụng nhà rông trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 195/KH-UBND, ngày 24/12/2018 về tổ chức Ngày hội văn hóa các dân tộc huyện Đăk Hà năm 2019; Kế hoạch số 37/KH-UBND, ngày 18/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc thiểu số huyện Đăk Hà năm 2019; Kế hoạch số 62/KH-UBND, ngày 25/03/2020 của UBND huyện về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể lần thứ Ba – năm 2021 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 40 /KH-UBND, ngày 02 tháng 03 năm 2020 của UBND huyện về lập hồ sơ khoa học Di tích lịch sử Đập Mùa Xuân trình UBND tỉnh xếp hạng di tích lịch sử-văn hóa cấp tỉnh năm 2020; Kế hoạch số 165/KH-UBND, ngày 20/10/2020 của UBND huyện tuyên truyền, quảng bá điểm du lịch cộng đồng thôn Kon Trang Long Loi, thị trấn Đăk Hà; Kế hoạch số 209/KH-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2020 tổ chức Lễ ra mắt làng du lịch cộng đồng thôn Kon Trang Long Loi và tổ chức Ngày hội văn hóa các dân tộc huyện Đăk Hà năm 2021; Kế hoạch số 63/KH-UBND, ngày 19/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc thiểu số huyện Đăk Hà; Kế hoạch số 175/KH-UBND, ngày 16/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về trao tặng công chiêng cho thôn dân tộc thiểu số huyện Đăk Hà năm 2021; Kế hoạch số 181/KH-UBND, ngày 27/9/2021 về triển khai Đề án “Bảo tồn, phát huy di sản không gian văn hóa công chiêng, giai đoạn 2021 - 2025” trên địa bàn huyện; Công văn số 2998/UBND-TH, ngày 04/11/2021 của UBND huyện về việc mở lớp truyền dạy công chiêng, múa xoang cho các em thanh thiếu niên tại các thôn dân tộc thiểu số được hỗ trợ công chiêng năm 2021; Kế hoạch số 221/KH-UBND, ngày 26/11/2021 của UBND huyện về bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị văn hóa nhà rông truyền thống các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Đăk Hà, giai đoạn 2021 – 2025; Chương trình số 47-CTr/HU, ngày 19/4/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đăk Hà (khóa VI) thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum (khóa XVI) về bảo tồn và phát huy giá trị nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 195/KH-UBND, ngày 28/7/2022 của UBND huyện về triển khai thực hiện bảo tồn và phát huy giá trị nghề truyền thống của các DTTS tại chỗ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện.

và đang triển khai làm mới (*thôn Kon Pông, xã Đăk Ui*), 01 thôn chưa có nhà rông nhưng đã có hội trường thôn (*thôn Đăk Kđem, xã Đăk Ngok*); toàn huyện có 96 bộ công chiêng⁹ (*trong đó 46 bộ công chiêng của cá nhân, 50 bộ của tập thể*). Số thôn DTTS có bộ công chiêng tập thể là 43 thôn/47 thôn, 4 thôn không có công chiêng tập thể (*01 thôn không có bộ công chiêng tập thể nhưng có công chiêng của hộ gia đình; 03 thôn không có công chiêng (trắng công chiêng)*)¹⁰; có 17 nghệ nhân được Chủ tịch nước công nhận danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”; đã thành lập 02 Câu lạc bộ văn hóa dân gian (*thôn Long Loi, thị trấn Đăk Hà và thôn Kon Klók, xã Đăk Mar*).

d) Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân sự, trí thức dân tộc thiểu số:

Thực hiện chủ trương, chính sách xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số của Đảng và Nhà nước¹¹, trong những năm qua, huyện Đăk Hà đã quan tâm, chú trọng xây dựng, kiện toàn hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào DTTS; thực hiện nhiều chính sách đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người DTTS và đã đạt được những kết quả tích cực. Hiện nay, tổng số cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS của huyện Đăk Hà là 291 người (*chưa tính cán bộ, công chức, viên chức thuộc khối Đảng, Mặt trận và các đoàn thể*), chiếm tỷ lệ 18,1% tổng số cán bộ, công chức, viên chức của toàn huyện Đăk Hà. Trong đó: CBCC cấp huyện 11 người; CBCC cấp xã 87 người; viên chức các đơn vị sự nghiệp 193 người. Số cán bộ, chức, viên chức người DTTS được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đạt trên 95%.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS của huyện Đăk Hà đã và đang có đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; là lực lượng nòng cốt, tiên phong trong công cuộc xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, nâng cao dân trí, giáo dục lịch sử và truyền thống dân tộc.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân

a) Ưu điểm và nguyên nhân của những ưu điểm

Qua 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, về “phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, nhận thức của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở, các tầng lớp Nhân dân về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc đã có nhiều chuyển biến tích cực, là yếu tố quan trọng góp phần tạo nên sự đồng thuận trong Nhân dân về thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm quốc phòng - an ninh của huyện. Kinh tế - xã hội của huyện không ngừng phát triển, tỷ lệ hộ nghèo giảm, đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày

⁹ Xã Đăk Hring 06 bộ; Đăk Long 04 bộ; Đăk Mar 05 bộ; Ngok Réo 12 bộ; Ngok Wang 14 bộ; thị trấn Đăk Hà 03 bộ; Đăk Ui 34 bộ; Đăk La 06 bộ; Đăk Pxi 12 bộ.

¹⁰Thôn Kon Trang Kep, xã Đăk La; thôn Đăk Xé Kơ Ne, thôn Tua Team, xã Đăk Long.

¹¹ Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trong thời kỳ mới...

càng được nâng cao, an sinh xã hội được quan tâm thực hiện hiệu quả, quốc phòng - an ninh được tăng cường.

Đạt được những kết quả trên là do cả hệ thống chính trị ở địa phương đã thực hiện tốt công tác phổ biến, quán triệt nội dung, quan điểm của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; chính quyền các cấp thực hiện kịp thời, hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có đông đồng bào theo các tôn giáo; mặt trận, đoàn thể các cấp, hội quần chúng tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động hướng về cơ sở, thực hiện tốt công tác tập hợp quần chúng vào trong tổ chức. Bên cạnh đó, nguyên nhân không thể phủ nhận đó là tinh thần đoàn kết của các dân tộc anh em trên địa bàn huyện.

b) Hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì vẫn còn những tồn tại, hạn chế như: Thực hiện dân chủ ở cơ sở theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân kiểm tra, dân thụ hưởng” ở một số địa phương có lúc chưa kịp thời, đảm bảo; tình hình an trật tự, an toàn xã hội, nhất là liên quan đến tôn giáo vẫn còn xảy ra; công tác giảm nghèo còn chậm, thiếu bền vững, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; vẫn còn trường hợp cán bộ, công chức, đảng viên vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý kỷ luật, bị khởi tố, ở tù, làm suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Những tồn tại, hạn chế trên có nhiều nguyên nhân, nhưng có một số nguyên nhân chính như: Một số cấp ủy, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nhất là ở vùng có đông đồng bào theo các tôn giáo có lúc chưa thường xuyên, kịp thời; nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số của huyện còn hạn chế, nhiều chính sách thực hiện có lúc chưa kịp thời, chưa đảm bảo; các nguồn lực, tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong tham gia xây dựng địa phương chưa được phát huy tốt; một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chưa gương mẫu trong thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chế độ, chính sách cho cán bộ ở cơ sở, thôn, tổ dân phố còn những bất cập; một bộ phận người dân chưa chịu khó làm ăn, còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước.

2. Bài học kinh nghiệm

Một là, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, tạo điều kiện cho mọi giai cấp, tầng lớp xã hội phát triển vững mạnh; đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí để tạo sự đồng thuận xã hội, đồng thuận giữa nhà nước và nhân dân, qua đó tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hai là, bám sát chủ trương, định hướng, Nghị quyết của Đảng, tăng cường vai trò chỉ đạo, điều hành của chính quyền; sự phối hợp giữa Chính quyền với Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội; đồng thời phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trong đó sự đoàn kết, nhất trí trong toàn đảng bộ huyện là điều kiện tiên quyết.

Ba là, quán triệt sâu sắc quan điểm: Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị, các cấp, các ngành đối với việc xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới.

Bốn là, Chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể các cấp quan tâm chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của nhân dân; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ có phong cách “Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với nhân dân”, muôn vạn phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, tiếp thu, tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc, bức xúc, nguyện vọng chính đáng của người dân.

Năm là, cấp ủy, chính quyền, mặt trận các cấp thực hiện tốt các chính sách phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS & miền núi, vùng đồng bào có đạo; đồng thời phát huy tốt vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc, các chức sắc tôn giáo trong việc thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo.

Phần II **NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Những thuận lợi, khó khăn của tình hình quốc tế, trong nước đến phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc trong thời gian tới

- Tình hình thế giới: Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn; toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển; cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra thời cơ đối với mọi quốc gia, dân tộc; những vấn đề toàn cầu, như: bảo vệ hoà bình, an ninh con người, thiên tai, dịch bệnh, an ninh xã hội và an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường... giúp các nước xích lại gần nhau và cùng nhau giải quyết. Bên cạnh đó, tình hình thế giới cũng tạo ra những thách thức đối với phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc của Đảng và nhà nước ta như: Sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan; kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng và có thể còn kéo dài do tác động của đại dịch Covid-19; các thế lực thù địch sống lưng vong lợi dụng những yếu kém, hạn chế về vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền để chống phá Đảng và Nhà nước ta.

- Ở trong nước: Truyền thống yêu nước, đoàn kết của các dân tộc Việt Nam tiếp tục được phát huy; thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao; Đảng và Nhà nước ta quan tâm hơn đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Bên cạnh đó, cũng còn những khó khăn như: Nền kinh tế phát triển chưa bền vững, còn nhiều hạn chế, yếu kém, đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới do tác động của đại dịch Covid-19 và khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ra; tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ của không ít cán bộ, đảng viên vẫn còn xảy ra, làm mất niềm tin của nhân dân; các thế lực thù địch trong nước tiếp tục tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và đất nước ta.

2. Những vấn đề mới, nội dung cần quan tâm để nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời gian tới

Sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư vừa là thời cơ nhưng cũng là thách thức, là vấn đề mới cần quan tâm. Thông qua các trang mạng Internet, các thế lực thù địch dễ dàng đăng bài, video để xuyên tạc, nói xấu, bôi nhọ, thổi phồng những tồn tại, hạn chế của Đảng và Nhà nước ta, làm cho nhân dân hoang mang, mất niềm tin vào Đảng và Nhà nước, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Vì vậy, đấu tranh với các thế lực thù địch trên không gian mạng là vấn đề mới, cần quan tâm để nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời gian tới.

II. QUAN ĐIỂM

Tiếp tục thực hiện quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, cụ thể: *“Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”*.

III. MỤC TIÊU

Củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Mọi hoạt động của hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải phục vụ lợi ích của nhân dân. Giải quyết hài hoà các quan hệ lợi ích trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

2. Xây dựng giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, hiện đại; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nhà ở và phúc lợi xã hội; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân.

3. Tăng cường giáo dục thế hệ trẻ về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá, nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, khát vọng vươn lên; nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với đất nước, với xã hội; xây dựng môi trường, điều kiện học tập, lao động, giải trí, rèn luyện để phát triển lành mạnh, toàn diện, hài hoà cả về trí tuệ, thể chất và giá trị thẩm mỹ.

4. Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý hiệu quả các nguồn lực, nhất là các nguồn lực thực hiện các Chương trình MTQG để đầu tư phát triển, tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hoá, xã hội ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng tính đặc thù của từng vùng dân tộc thiểu số trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Có cơ chế thúc đẩy tính tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân

tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín tiêu biểu trong vùng dân tộc thiểu số. Nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

5. Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sùng "Tốt đời đẹp đạo", đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước. Kiên quyết đấu tranh và xử lý nghiêm những đối tượng lợi dụng tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ Xã hội chủ nghĩa; chia rẽ, phá hoại đoàn kết tôn giáo và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

6. Tăng cường vai trò nòng cốt chính trị, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp, vận động nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", thực hành dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội. Đổi mới tổ chức bộ máy, nội dung và phương thức hoạt động, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư. Thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, tăng cường đối ngoại nhân dân. Xây dựng thể trận lòng dân, phát huy sức mạnh đoàn kết, đồng thuận của nhân dân trong và ngoài nước để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

7. Quản lý chặt chẽ, đấu tranh có hiệu quả những luận điệu xuyên tạc, nói xấu, bôi nhọ, thổi phồng những tồn tại, hạn chế của Đảng và Nhà nước ta của các thế lực thù địch trên không gian mạng nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà./.

Nơi nhận:

- Ban Dân tộc tỉnh (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- Ban Dân vận Huyện ủy;
- CT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị huyện (th/h)'
- UBND các xã, thị trấn (th/h);
- Lưu: VT; PDT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thương